

Hướng dẫn vận hành & lắp đặt
Máy giặt (Dùng cho gia đình)

Số model. **NA-24VDW1**
NA-22VDW1
NA-20VDW1



Cần đọc những hướng dẫn này.

Nội dung

Lưu ý về an toàn	2
Kiểm tra máy giặt	6
Trước khi giặt	7
Bảng điều khiển	8
Chất giặt tẩy	10
Auto Dose	12
Giặt	14
Các chương trình	16
Chi tiết chương trình	18
Mẹo giặt đồ	20
Thay đổi cài đặt chương trình	22
Thay đổi cài đặt thiết bị	28
Bảo dưỡng	29
Xử lý sự cố	34
U13 và các cảnh báo khác	40
Lắp đặt	
Chọn đúng chỗ	41
Di chuyển và Lắp đặt	42
Nối đường ống	44
Chạy thử	46
MyPanasonic+	47
Thông số kỹ thuật	55

Cảm ơn quý khách đã mua sản phẩm.
- Xin vui lòng đọc kỹ các hướng dẫn này trước khi sử dụng để đảm bảo sản phẩm hoạt động tối ưu và an toàn nhất.
- Vui lòng cất giữ sách hướng dẫn này để tham khảo về sau. AWW9901CJ1C1-0C0

Lưu ý về an toàn



CẢNH BÁO

Có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong

Không để trẻ em tự ý sử dụng sản phẩm.



- Người dùng (bao gồm cả trẻ em) bị suy giảm về sức khỏe, thể chất hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức không được sử dụng sản phẩm, trừ khi họ được giám sát hoặc được hướng dẫn sử dụng bởi người chịu trách nhiệm cho sự an toàn của họ.
- Giám sát trẻ em, đề phòng trẻ đùa nghịch với sản phẩm.

Cài đặt Khóa An Toàn. (Tr. 28)



Giữ trong 3 giây.

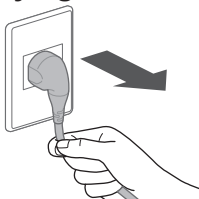


Có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật

Không chạm khi tay ướt.



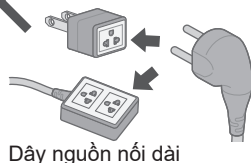
Không cầm hoặc kéo dây nguồn.



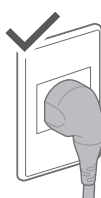
Không sử dụng.



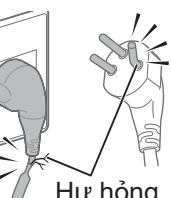
Khớp nối phích cắm



Cắm chặt.

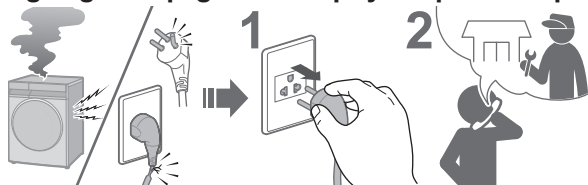


Không sử dụng.

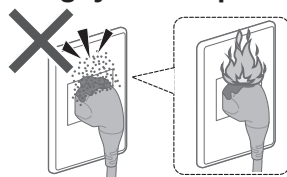


- Để tránh nguy hiểm, dây nguồn hông phải do nhà sản xuất, trung tâm dịch vụ hoặc người có chuyên môn thay thế.

Trong trường hợp hỏng hóc hoặc trục trặc, ngừng sử dụng và liên hệ kỹ thuật viên điện.



Bụi bẩn tích tụ có thể gây hỏa hoạn.



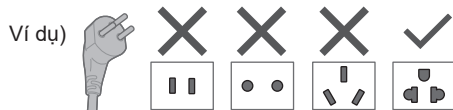
Cắm chân nối đất thật chắc chắn. Yêu cầu kỹ thuật viên điện cung cấp một ổ cắm mới.



Vệ sinh phích cắm định kỳ.



Sử dụng ổ cắm thích hợp cho thiết bị này.



- Hình dáng phích cắm thay đổi theo từng khu vực.

Đặt các vật liệu dễ cháy cách xa máy giặt.



Có thể gây hỏng hóc

Không tự ý tháo dỡ, sửa chữa hoặc chỉnh sửa máy giặt.



Lưu ý an toàn khi sử dụng tính năng điều khiển từ xa (Sóng vô tuyến từ thiết bị có thể là nguyên nhân gây trục trặc)

- Giữ cách xa bộ phận gắn của máy trợ tìm ít nhất 15 cm.
- Tránh xa thiết bị y tế và thiết bị điều khiển tự động (cửa tự động, thiết bị báo cháy, v.v.).

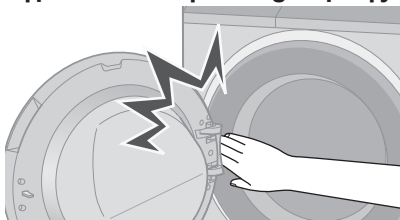
Lưu ý về an toàn (tiếp)



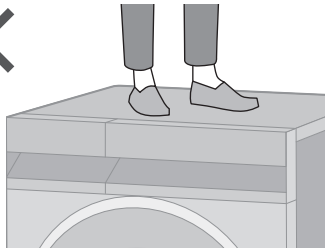
CẦN THẬN

Có thể gây thương tích

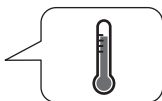
Cẩn thận, tránh để ngón tay bị kẹp khi mở hoặc đóng nắp máy.



Không leo lên thiết bị.



Không chạm khi máy đang nóng.

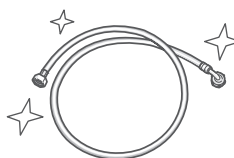


Có thể gây rò rỉ nước

Khóa vòi nước sau khi giặt xong.



Sử dụng bộ ống nước mới.

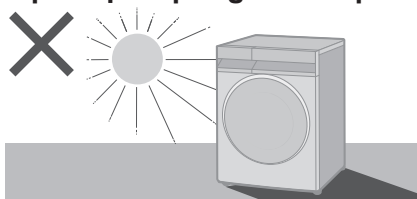


● Phải sử dụng bộ ống nước mới kèm theo sản phẩm, không sử dụng lại bộ ống nước cũ.

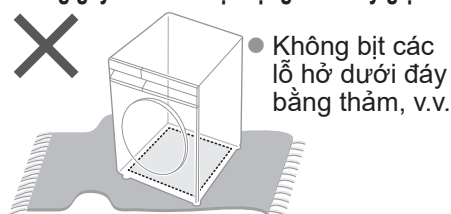
■ Để biết khối lượng quần áo khô tối đa và áp suất nước máy, xem Tr. 55.

Có thể gây hỏng hóc

Đặt xa nơi có ánh nắng mặt trời trực tiếp hoặc nguồn nhiệt.

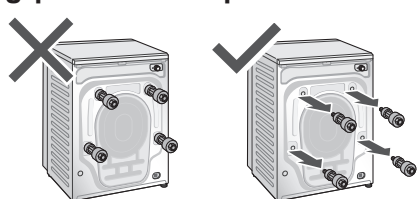


Không gây cản trở hoạt động của máy giặt.

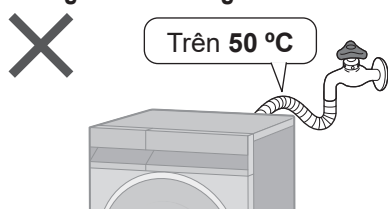


- Không bịt các lỗ hở dưới đáy bằng thảm, v.v.

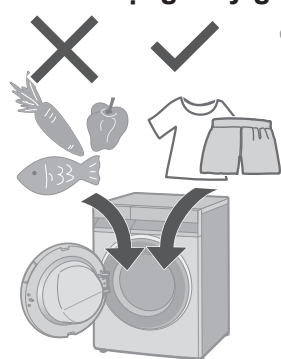
Tháo các bulông giữ lồng giặt trước khi vận hành.



Không kết nối với nguồn nước nóng.



Chỉ sử dụng máy giặt cho các đồ vật có thể giặt máy.



- Thiết bị này được chủ định để sử dụng trong gia đình. Thiết bị này không được chủ định để sử dụng trong các trường hợp như:
 - khu vực bếp nhân viên trong các cửa hàng, văn phòng và môi trường làm việc khác;
 - nhà ở trang trại;
 - bởi khách hàng trong khách sạn, nhà nghỉ và các loại hình cư trú khác;
 - môi trường kiểu phục vụ phòng ngủ đêm và bữa sáng;
 - khu vực dùng chung trong các khối căn hộ hoặc trong phòng giặt ủi.

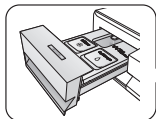
Không giặt các quần áo dính quá nhiều dầu mỡ.



Kiểm tra máy giặt

Tên các bộ phận

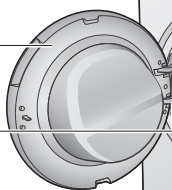
Ngăn chất giặt tẩy (Tr. 11)



Bảng điều khiển
(Tr. 8)

Cửa

Bản lề



Lồng giặt

Mép cửa

Chân điều chỉnh
được (Tr. 43)

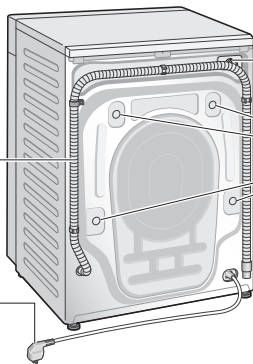
Nắp bộ lọc thoát
nước (Tr. 33)

Ống xả
(Tr. 44, 45)

Đường nước vào
(Tr. 45)

Bulông giữ lồng
giặt (Tr. 43)

Dây điện và phích cắm*
*Hình dạng phích cắm
thay đổi theo khu vực.



Phụ kiện

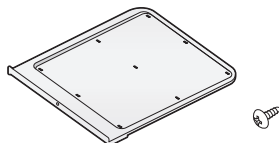
☐ Ống cấp nước (1) (Tr. 44, 45)



☐ Nắp phủ (4) (Tr. 43)



☐ Tấm đáy (1) / Vít (1) (Tr. 42)

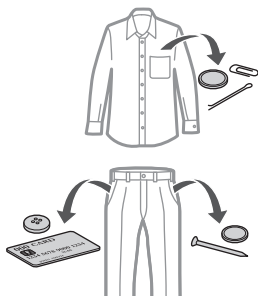


Trước khi giặt

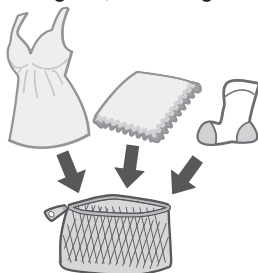
Chuẩn bị giặt ủi

Trước khi cho quần áo vào máy

- Loại bỏ dị vật.



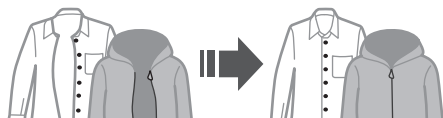
- Dùng lưới giặt cho các loại quần áo mỏng nhẹ, dễ hỏng và các món đồ nhỏ.



Nhét quá nhiều



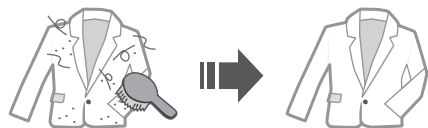
Kiểm tra trước khi giặt



Lộn trái



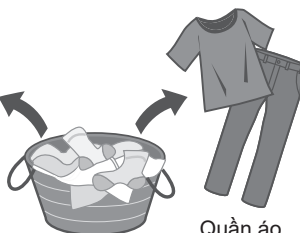
Quần áo có khả năng bị xoắn



- Giặt riêng.



Quần áo trắng



Quần áo màu

- Xử lý sơ bộ các chỗ vết bẩn nặng.



- Xem kỹ nhãn hướng dẫn chăm sóc quần áo.



Bảng điều khiển

Hiển thị

Đèn báo Vệ Sinh
Lồng Giặt (Tr. 32)

Đèn báo Điều Khiển
Từ Xa (Tr. 50)

Quá trình



Thời gian còn lại

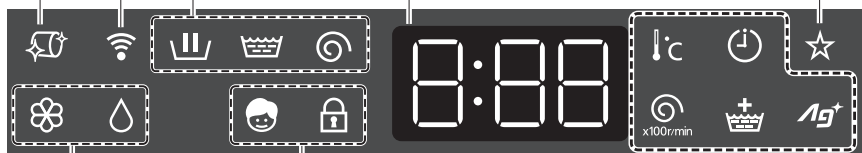


1:15

Lỗi hiển thị (Tr. 40, 52)



Đèn báo “Mục
yêu thích”
(Tr. 47)



Đèn báo Auto Dose
(Tr. 9)

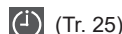
Khóa



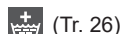
Cửa bị khóa

Cửa và các nút bấm đều bị
khóa (Khóa An Toàn) (Tr. 28)

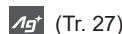
Đèn báo chức năng tùy chọn



(Tr. 25)



(Tr. 26)



(Tr. 27)



Tốc độ vắt



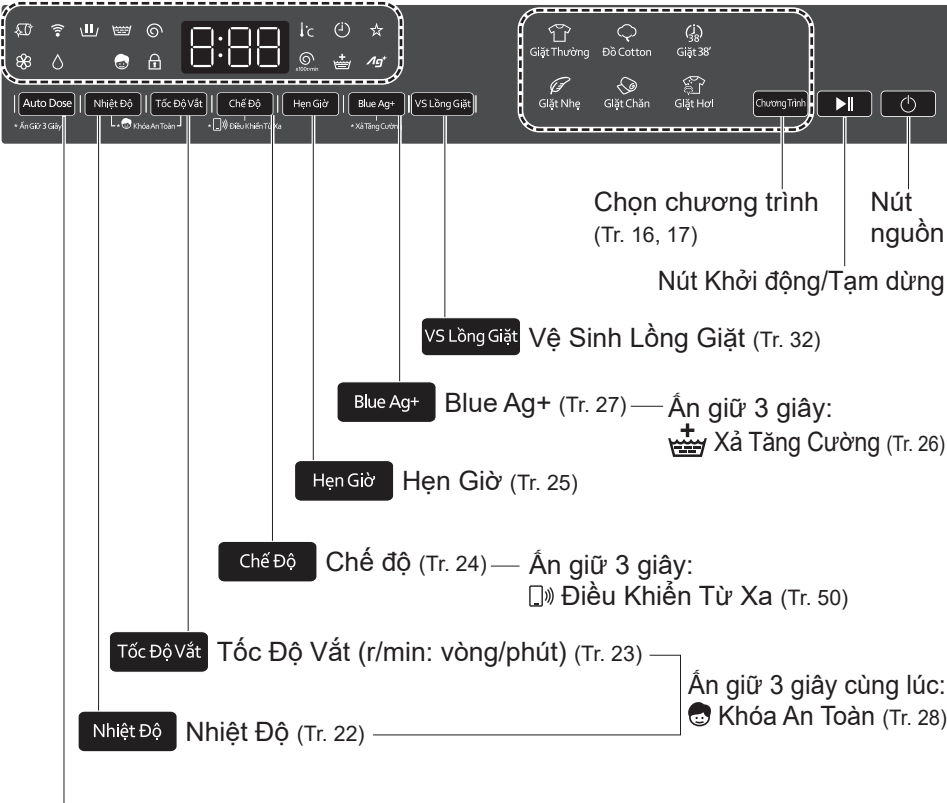
Nhiệt độ nước

Thao tác cảm ứng

- Nếu nước, chất giặt tẩy hoặc nước xả dính vào, hãy tắt và lau bằng khăn, v.v. ngay lập tức. (Nguyên nhân sự cố)



Nút điều khiển



LƯU Ý

- Tắt ➡ bật trở lại
 - Không vận hành ➡ tự động tắt nguồn
 - Trong trường hợp mất điện
- ➡ Khi có điện trở lại, máy sẽ tiếp tục vận hành từ trạng thái trước đó. (Tự khởi động lại)

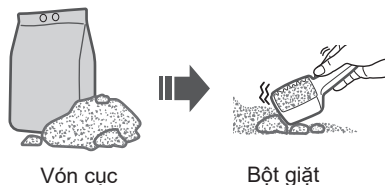
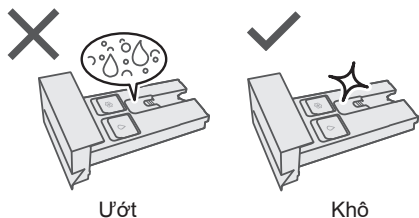
Chất giặt tẩy

- Làm theo hướng dẫn trên bao bì.

Chất giặt tẩy

Sử dụng chất giặt tẩy ít bột

- Để tránh việc chất giặt tẩy còn đọng lại trong ngăn cấp chất giặt tẩy thủ công:

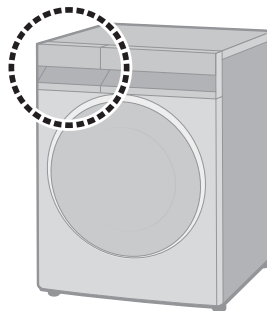
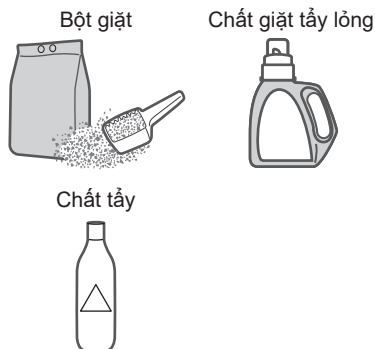


Chất tẩy

Chất tẩy trắng
(chất tẩy Clo)



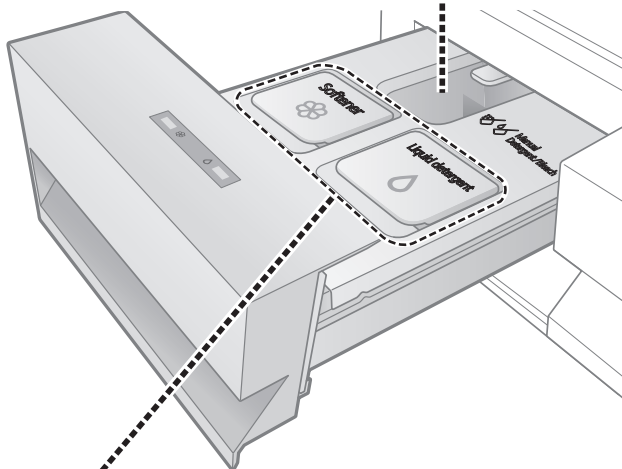
Ngăn cấp chất giặt tẩy thủ công



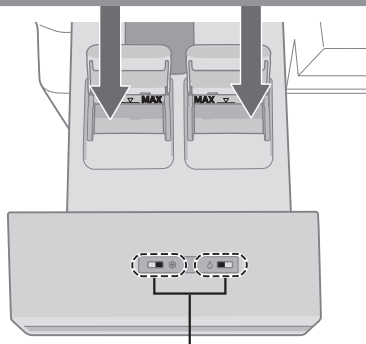
LƯU Ý

- Đóng ngăn chất giặt tẩy hoàn toàn trước khi sử dụng để tránh rò rỉ nước ra ngoài máy giặt.





Ngăn Auto Dose



Khi thêm nước giặt / nước xả vải vào thì cửa sổ màu đen chuyển sang màu hồng (nước xả vải) và màu xanh (nước giặt). Bổ sung thêm nước giặt / nước xả vải trước khi cửa sổ chuyển hết sang màu đen.

LƯU Ý

- Nước giặt / nước xả vải để lâu có thể vón cục hoặc đông đặc gây tắc bơm hoặc tắc phao. Trong trường hợp đó, hãy vệ sinh ngăn chất giặt tẩy. (Tr. 30)
- Không dùng nước giặt / nước xả vải dạng gel, đặc quánh có độ nhớt cao vì có thể làm giảm hiệu quả giặt, gây mùi không thơm và ảnh hưởng đến thiết bị.



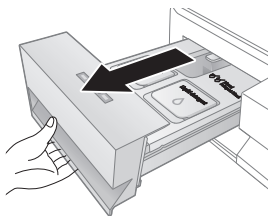
Không sử dụng nước giặt / nước xả vải đã tách lớp, vón cục hoặc dạng gel, đặc quánh có độ nhớt cao.

Auto Dose

Nước giặt và nước xả vải sẽ tự động được cấp vào tùy thuộc vào lượng đồ giặt và mức cài đặt, khả dụng với tất cả các chương trình ngoại trừ “Vệ Sinh Lồng Giặt”.

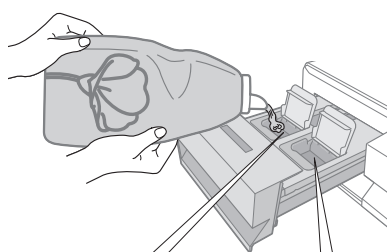
■ Để nạp nước giặt / nước xả vải

1



- Kéo ngăn chứa ra.

2



Nước xả vải
Tối đa: 450 ml

Nước giặt
Tối đa: 750 ml

3

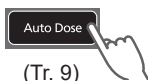
Đóng hoàn toàn ngăn chất giặt tẩy.

■ Để cài đặt tính năng “Auto Dose”

1



2



(Tr. 9)



(Cài đặt mặc định)

3



(Cài đặt sẽ được lưu lại cho những lần sau.)

■ Lượng tiêu chuẩn

- Khối lượng vải khô: 4 kg
- Nước giặt: 30 ml
- Nước xả vải: 30 ml

■ Để thay đổi lượng nước giặt/xả

1



2



Giữ 3 giây



30 x2
(ví dụ)



Nước xả vải



Nước giặt

3

• Để tăng

Tốc Độ Vết

• Để giảm

Nhiệt Độ

- Phạm vi cài đặt
 - Nước giặt: 6 ml - 60 ml
 - Nước xả vải: 6 ml - 81 ml
 - Bước thay đổi: 3 ml
- (Cài đặt sẽ được lưu lại cho những lần sau.)

4



x4

LƯU Ý

- Nếu có nước trong lồng giặt từ trước, nước giặt và nước xả sẽ không được cấp tự động trong quá trình giặt.
- Khi nhiệt độ môi trường thấp, thời gian vận hành có thể lâu hơn do nước giặt/nước xả vải có thể đông đặc lại.

■ Q&A

	Câu hỏi	Trả lời
Nước giặt / Nước xả vải	Những gì không thể được sử dụng với tính năng “Auto Dose”?	Những điều sau đây không thể được sử dụng: ● Bột giặt tổng hợp ● Xà phòng lỏng ● Các sản phẩm không có nhãn “Số lượng ước tính để sử dụng” trên hộp đựng ● Nước giặt / nước xả vải dạng gel, đặc quánh có độ nhớt cao Muối nở không thể được sử dụng cho ngăn Auto Dose hay ngăn cấp chất giặt tẩy thủ công.
	Khi thay đổi loại nước giặt / nước xả vải	Làm theo các bước dưới đây: ① Đổ hết ngăn Auto Dose và vệ sinh. (Tr. 30) (Trộn các loại khác nhau có thể gây tắc nghẽn) ② Thêm nước giặt / nước xả vải mới. (Tr. 12)
	Có thể đổ thêm nước giặt/xả trước khi nó hết không?	Có thể đổ thêm nếu cùng loại nước giặt/xả.
	Lượng nước giặt/xả tiêu chuẩn là bao nhiêu?	● Lượng tiêu chuẩn là lượng nước giặt / nước xả vải được sử dụng trên mỗi 4 kg vải khô. Kiểm tra thông tin trên bao bì sản phẩm. ● Nếu không có thông tin trên hộp đựng hoặc nếu bạn không chắc chắn, hãy liên hệ với nhà sản xuất.
Cách sử dụng “Auto Dose”	Có thể giặt bao nhiêu lần khi ngăn Auto Dose đầy?	● Nước giặt: khoảng 22 lần Số lần sử dụng thay đổi tùy thuộc vào lượng đồ giặt và lượng cài đặt “Auto Dose”.
	Nếu không thay đổi cài đặt lượng nước giặt /nước xả vải tiêu chuẩn?	● Lượng tiêu chuẩn là: • 30 ml nước giặt trên mỗi 4 kg vải khô • 30 ml nước xả vải trên mỗi 4 kg vải khô ● Nếu cài đặt không phù hợp với loại nước giặt / nước xả vải bạn đang sử dụng, vết bẩn có thể không bong ra hoặc đồ giặt có thể bị sẫm màu.
	Nếu sử dụng tính năng “Auto Dose” đồng thời vẫn cho chất giặt vào ngăn cấp chất giặt tẩy thủ công.	Chất giặt sẽ bị quá nhiều do được cấp vào hai lần trong quá trình giặt.

Giặt Phương pháp cơ bản

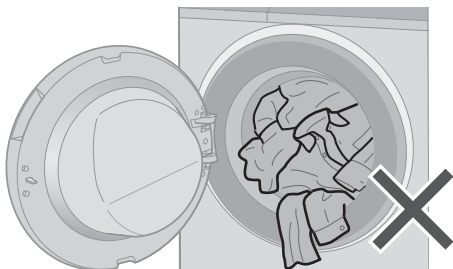


LƯU Ý

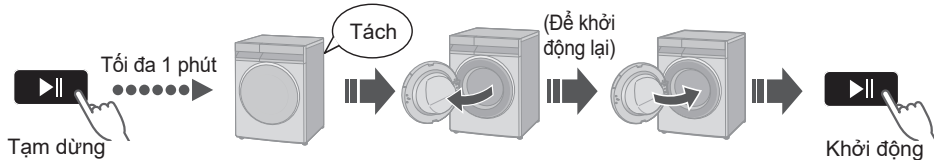
■ Không để đồ giặt bị vướng vào cửa.



■ Không bỏ quá nhiều đồ giặt vào lồng giặt.



■ Để mở cửa trong khi đang vận hành

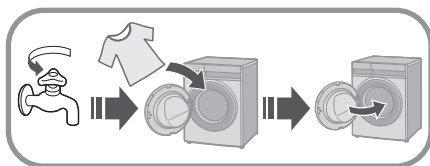


LƯU Ý

● Cửa không mở ➡ (Tr. 35)

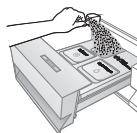


1



Kiểm tra cài đặt “Auto Dose” (Tr. 9, 12)

hoặc



2



LƯU Ý

Chương trình hiển thị có thể thay đổi tùy thuộc vào lịch sử giặt của bạn. (Gợi ý chương trình ban đầu) (Tr. 28)

3

Chương Trình

Chọn chương trình. (Tr. 16)

■ **Thay đổi cài đặt.**

Cài đặt

Nhiệt Độ

Nhiệt Độ (Tr. 22)

Tốc Độ Vắt

Tốc Độ Vắt (Tr. 23)

Chế Độ

Chế Độ (Tr. 24)

Hẹn Giờ

Hẹn Giờ (Tr. 25)

Blue Ag+

Blue Ag+; Xả Tăng Cường (Tr. 26, 27)

4



Khởi động



(30 giây)

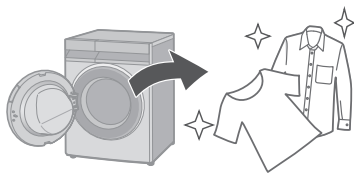


(Ví dụ)

Hiển thị thời gian cần thiết (được tính toán lại)



5



Các chương trình

Các chương trình giặt có trên Bảng điều khiển

Chương trình	Mô tả	Khối lượng tối đa (kg)			Tổng thời gian
		24VDW1	22VDW1	20VDW1	
 Giặt Thường	Quần áo hàng ngày (Nhanh hơn chương trình “Đồ Cotton”) 	12,0	11,0	10,0	1:30
 Đồ Cotton	Quần áo hàng ngày 	12,0	11,0	10,0	2:55
 Giặt 38'	Lượng đồ giặt nhỏ 	5,0			0:38
 Giặt Chăn	Các đồ giặt lớn 	3,0			1:30
 Giặt Nhẹ	Giặt vải mỏng nhẹ 	2,0			0:50
 Giặt Hơi	Dành cho ve bét / mạt bụi nhà 	5,0			2:05
 Vệ Sinh Lồng Giặt	Vệ sinh lồng giặt 	Không			3:45

● **Tổng thời gian chỉ là tương đối** (Khi lưu lượng cấp nước tiêu chuẩn là 15 L / phút).
 Đối với nhiệt độ nước mặc định của mỗi chương trình.

Các chương trình giặt chỉ có trên ứng dụng MyPanasonic+

Chương trình	Mô tả	Khối lượng tối đa (kg)			Tổng thời gian
		24VDW1	22VDW1	20VDW1	
 Giặt Nhanh 15'	● Lượng nhỏ đồ giặt ít bẩn 	2,0			0:15
 Nước Sốt		12,0	11,0	10,0	3:00
 Cổ & Tay Áo		12,0	11,0	10,0	3:15
 Bùn Đất		12,0	11,0	10,0	3:35
 Đồ Trẻ Em	● Quần áo dành cho trẻ nhỏ & người có làn da nhạy cảm - Xả kỹ 	5,0			2:20

Chi tiết chương trình

Các chương trình giặt có trên Bảng điều khiển

Chương trình \ Cài đặt	Cài đặt tự động		
	Nhiệt độ (°C)	Tốc độ vắt (r/min)	
 Giặt Thường	40	1200	
 Đồ Cotton	40	1200	
 Giặt 38'	40	1200	
 Giặt Chăn	Nước lạnh	700	
 Giặt Nhẹ	30	500	
 Giặt Hơi	60	1400	
 Vệ Sinh Lồng Giặt	40	1200	

Các chương trình giặt chỉ có trên ứng dụng MyPanasonic+

 Giặt Nhanh 15'	Nước lạnh	1200	
 Nước Sốt	40	1200	
 Cổ & Tay Áo	40	1200	
 Bùn Đất	40	1200	
 Đồ Trẻ Em	40	1400	

LƯU Ý

- Nhiệt độ nước thực tế có thể khác với nhiệt độ theo chu trình đã tuyên bố.
- Các kết quả thử nghiệm tùy thuộc vào áp lực nước, độ cứng của nước, nhiệt độ đường nước vào, nhiệt độ phòng, loại và lượng tải, mức độ bẩn, chất giặt tẩy được sử dụng, dao động trong nguồn cấp điện chính và các lựa chọn bổ sung đã chọn.

Phạm vi cài đặt		Chức năng tùy chọn				
Nhiệt độ (°C)	Tốc độ vắt (r/min)	Chế độ	Hẹn giờ	Blue Ag+	Xả tăng cường	Tự Động Vệ Sinh Lồng Giặt
Nước lạnh, 30, 40, 60	0, 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	✓	✓	✓
Nước lạnh, 30, 40, 60	0, 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	✓	✓	✓
Nước lạnh, 30, 40	0, 500, 700, 1200, 1400	✓	✓	✓	—	✓
Nước lạnh, 30	0, 500, 700	✓	✓	✓	✓	—
Nước lạnh, 30, 40	0, 500	✓	—	✓	✓	—
60	0, 500, 700, 1200, 1400	—	✓	—	—	✓
40	1200	—	—	—	—	—

Nước lạnh	1200	—	✓	—	—	—
40	0, 500, 700, 1200, 1400	—	✓	✓	✓	—
40	0, 500, 700, 1200, 1400	—	✓	✓	✓	—
40	0, 500, 700, 1200, 1400	—	✓	✓	✓	—
Nước lạnh, 30, 40, 60	0, 500, 700, 1200, 1400	—	✓	✓	✓	—

Mẹo giặt đồ

Giặt Nhẹ

■ Khi giặt

- Để xả hoàn toàn, hãy dùng chức năng “Xả Tăng Cường”. (Tr. 26)

LƯU Ý



Chất tẩy

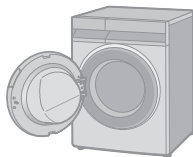


Nước giặt có độ tẩy nhẹ



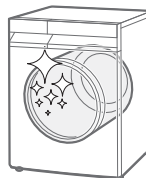
■ Sau khi hoạt động kết thúc

Lấy ra ngay lập tức



Tự Động Vệ Sinh Lồng Giặt

Tự động thêm chu trình vệ sinh lồng giặt vào 1 số chương trình nhất định. (Tr. 19)



■ Để Bật / Tắt

1



2



Ấn giữ 3 giây cùng lúc



3



để chọn



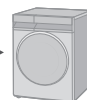
Bật



OFF

Tắt

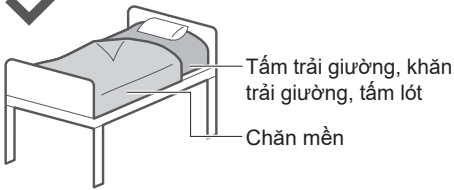
4



Giặt Chăn

■ Các đồ giặt được

- (Giặt)
- (Giặt tay)
- 100 % cotton hoặc 100 % sợi tổng hợp



■ Các đồ không giặt được



Chăn điện



Len



Lụa

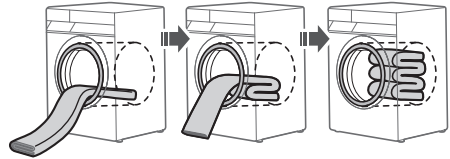
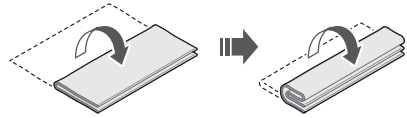


Lông cừu dài

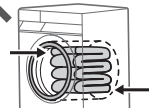
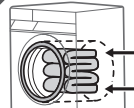


Lông thú nhân tạo

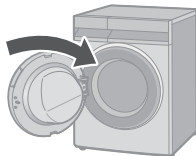
■ Đặt chăn mền vào lồng giặt



LƯU Ý



LƯU Ý



Thay đổi cài đặt chương trình

■ Chuẩn bị

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 7)
- Kiểm tra cài đặt “Auto Dose” hoặc thêm chất giặt tẩy thủ công. (Tr. 9, 10, 12)

1



Bật

2

Chọn chương trình. (Tr. 16)



3

Thay đổi các cài đặt của chương trình.



Tốc Độ Vắt Tốc Độ Vắt

Nhiệt Độ Nhiệt Độ

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 18)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.

4



Khởi động

l°c Nhiệt Độ

Thay đổi nhiệt độ giặt.



■ Hướng dẫn cài đặt

Thấp	Cao
● Màu	● Trắng
● Bẩn ít	● Bẩn nhiều
● Chất liệu dễ co rút	● Đồ Cotton

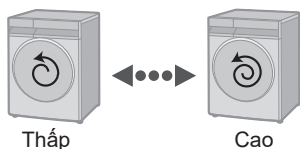
3



(Tr. 19)

r/min **Tốc Độ Vắt**

Thay đổi tốc độ vắt.



■ Hướng dẫn cài đặt

 Thấp	 Cao
• Để giảm nếp nhăn 	• Để vắt khô hơn 

3

Tốc Độ Vắt

(Tr. 19)

■ Để thay đổi cài đặt khi đang giặt



1



Tạm dừng

2



3



Khởi động

Thay đổi cài đặt chương trình (tiếp)

■ Chuẩn bị

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 7)
- Kiểm tra cài đặt “Auto Dose” hoặc thêm chất giặt tẩy thủ công. (Tr. 9, 10, 12)

1



Bật

2

Chọn chương trình. (Tr. 16)

Chương Trình

3

Thay đổi các cài đặt của chương trình.



Hẹn Giờ Hẹn Giờ

Chế Độ Chế Độ

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 18)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.

4



Khởi động

Chế Độ

Chọn một kết hợp các quá trình giặt, xả và vắt.

(Ví dụ)



Giặt

Xả

Vắt

3

Chế Độ

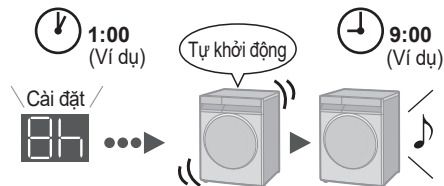
	*1	Giặt
	*2	Xả
	*2	Vắt
		Giặt và xả
		Giặt và vắt
		Xả và vắt

*1 Nước sẽ được xả hết sau quá trình giặt.

*2 Xả trước nếu có nước trong lồng.

⌚ Hẹn Giờ

Thiết lập máy để kết thúc vận hành sau bao nhiêu giờ. (Tối đa 24 giờ)



3

Hẹn Giờ

88
(Ví dụ)

Nhấn hoặc giữ

■ Để kiểm tra thời gian hẹn giờ

Hẹn Giờ

■ Để hủy cài đặt

Tắt

(Tắt cả cài đặt bị hủy)

LƯU Ý

▶▶

Tất cả các đèn chỉ báo sẽ tắt ngoại trừ

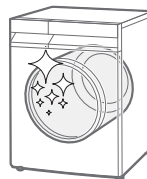


Khởi động

● Không khả dụng: Tr. 19

Tự Động Vệ Sinh Lồng Giặt

Tự động thêm chu trình vệ sinh lồng giặt vào 1 số chương trình nhất định. (Tr. 19)

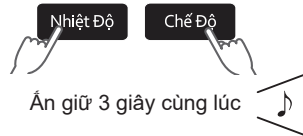


■ Để Bật / Tắt

1



2



3



để chọn



4



Thay đổi cài đặt chương trình (tiếp)

■ Chuẩn bị

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 7)
- Kiểm tra cài đặt “Auto Dose” hoặc thêm chất giặt tẩy thủ công. (Tr. 9, 10, 12)

1



Bật

2

Chọn chương trình. (Tr. 16)

Chương Trình

3

Thay đổi các cài đặt của chương trình.



Blue Ag+
Xả Tăng Cường

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 18)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.

4



Khởi động

✪ Xả Tăng Cường

Thêm một lần xả nữa.



Giặt



Xả



Xả Tăng Cường



Vắt

3

Blue Ag+

Giữ
3 giây



Đèn tắt
(Tắt)



Đèn sáng
(Bật)

■ Để thay đổi cài đặt khi đang giặt



Giặt

1



Tạm dừng

2



Giữ 3 giây



Tắt



Bật

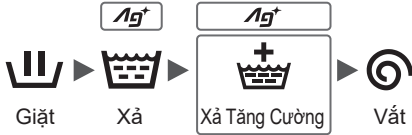
3



Khởi động

Ag+ Blue Ag+

Chức năng diệt khuẩn (Tối đa 3,0 kg).



3



■ Tuổi thọ của hộp Ag+

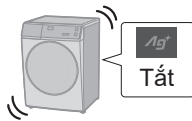
- “Blue Ag+” sẽ hoạt động được khoảng 300 đến 350 lần (khoảng 7 năm nếu dùng mỗi tuần một lần).
- Thay hộp này khi thành phần bên trong giảm.



• Thay thế



• Giặt không “Ag+”



LƯU Ý

- Không sử dụng nước cho các mục đích khác.



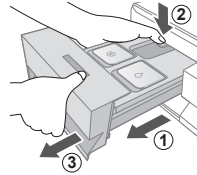
Uống



Nấu ăn

1

Tháo ngăn chất giặt tẩy



2

Tháo hộp Ag+



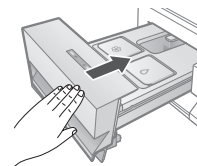
3

Thay thế và lắp lại hộp Ag+



4

Lắp lại ngăn chất giặt tẩy hoàn toàn

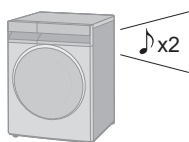
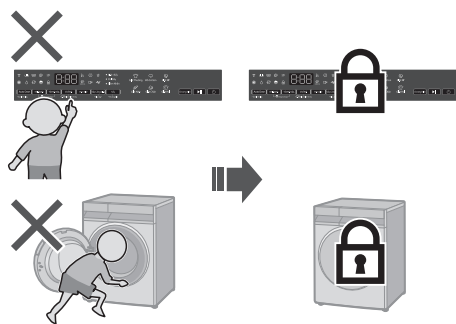


- Các loại quần áo, chất giặt tẩy, nước xả và độ cứng của nước có thể ảnh hưởng đến kết quả.
- Ngừng sử dụng nếu bị ngứa, v.v.



Thay đổi cài đặt thiết bị

Cài đặt Khóa An Toàn

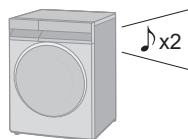


■ Để hủy:

Quy trình tương tự



Hủy bỏ cài báo



■ Để đặt lại:

Quy trình tương tự

Gợi ý chương trình ban đầu (My Smart Memory)

Tự động gợi ý chương trình được sử dụng thường xuyên nhất dựa trên 10 chu trình giặt gần nhất. Khi bật nguồn, đèn của chương trình được gợi ý sẽ sáng.

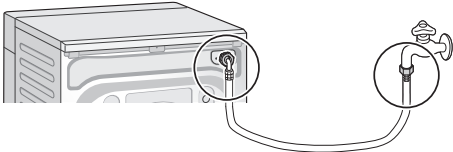
■ Để Bật / Tắt



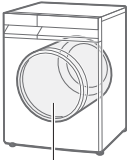
Bảo dưỡng

Tắm lọc ống cấp nước

Nếu nước chảy không đều



1



Không tải

2



Bật

3



Chương Trình

Chọn



Giặt Thường

4



1 phút



Khởi động

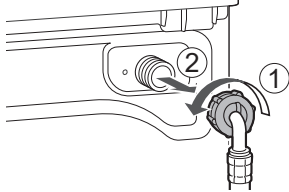
Tắt

5

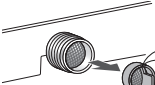


Tháo và vệ sinh lưới lọc

6

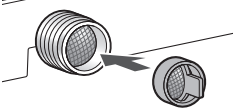


7

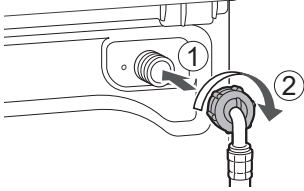


Tắm lọc ống cấp nước

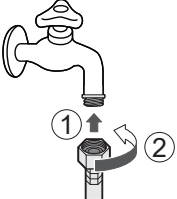
8



9



10



Bảo dưỡng (tiếp)

Ngăn chắt giặt tẩy

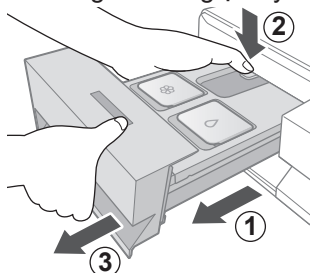
3 tháng
một lần

Khi thay đổi loại
nước giặt hoặc
nước xả vải

Khi không sử
dụng trong hơn
1 tháng

Khi cửa sổ không
đổi màu trong quá
trình sử dụng

1 Tháo ngăn chắt giặt tẩy ra.



2 Mở nắp ngăn chứa từ phía sau, tháo các tấm lọc bằng cách sử dụng tua vít đẩy vào lần lượt các lỗ trên từng tấm lọc để tháo lấy rồi kéo tấm lọc ra, sau đó rửa sạch bằng nước.



Mở nắp ngăn chứa

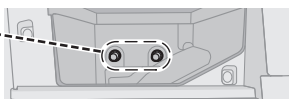
Tháo các tấm lọc

Rửa sạch với nước

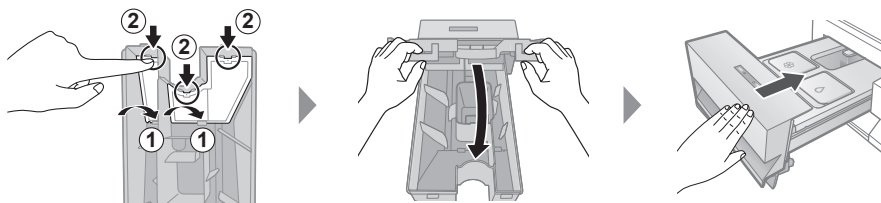
Vệ sinh các vị trí khoan
tròn để làm sạch cửa sổ

LƯU Ý

- Không sử dụng lại nước giặt và nước xả vải còn sót lại.
- Không lau phần đầu bơm. (có thể gây tắc nghẽn)



3 Gắn tấm lọc, đóng nắp và gắn ngăn chứa.



4

- Đổ nước vào khoảng nửa ngăn chứa sau đó đẩy ngăn vào hoàn toàn.
- Đóng cửa máy giặt và chạy tính năng “Vệ sinh ngăn Auto Dose” để làm sạch ngăn chứa nước giặt, nước xả vải và hệ thống cấp tự động (vệ sinh trong 6 phút).



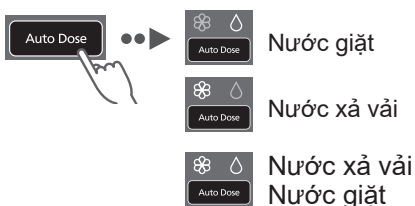
- ③ Chọn ngăn chứa cần vệ sinh



- Nếu đầu bơm bị tắc, hãy chạy tính năng “Vệ sinh ngăn Auto Dose chuyên sâu” (vệ sinh trong 47 phút).

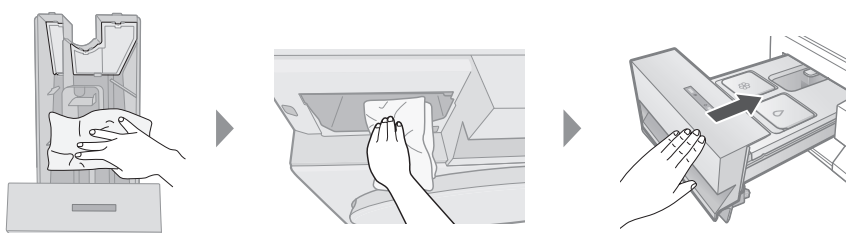


- ④ Chọn ngăn chứa cần vệ sinh

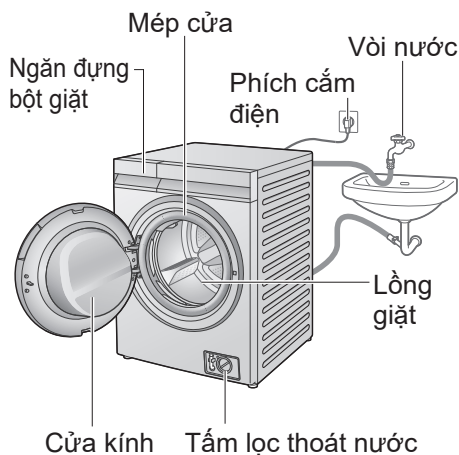


5

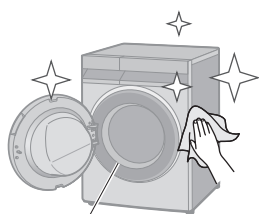
- Tháo ngăn chứa ra, đổ bỏ lượng nước còn lại và lau sạch, sau đó lắp ngăn chứa vào hoàn toàn.



Bảo dưỡng (tiếp)



Thiết bị



Mép cửa



Nếu bẩn nhiều



LƯU Ý



- Không sử dụng chất tẩy rửa hoặc dung môi có hạt cứng, hoặc các sản phẩm có chứa cồn hoặc dầu parafin.

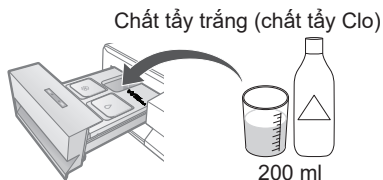
Lồng giặt

Mỗi 6 tháng một lần hoặc nếu đèn nháy <Vệ Sinh Lồng Giặt>

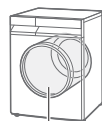
1



2



3



Không tải



4

VS Lồng Giặt

5



Khởi động

Xấp xỉ 3:45



LƯU Ý

- Nếu chương trình “Vệ Sinh Lồng Giặt” không chạy, đèn chỉ báo sẽ tắt khi chương trình khác chạy được 3 lần.

Tấm lọc thoát nước

Mỗi tháng một lần

Đảm bảo đã xả hết nước trong lồng giặt trước quy trình này.



CẨN THẬN



Nước nóng
(Có thể bị bỏng)

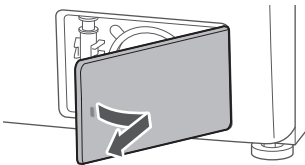


1

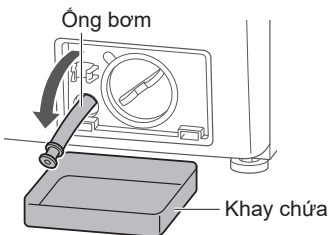


Tắt

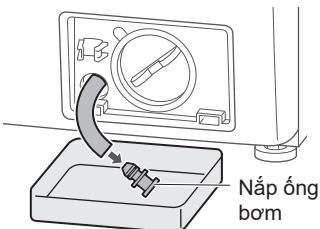
2



3



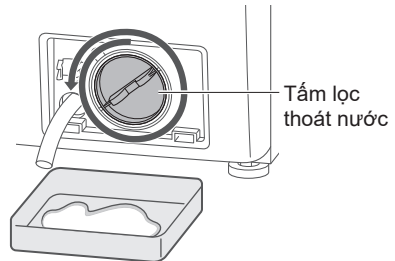
4



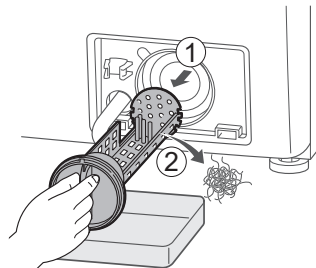
5



6



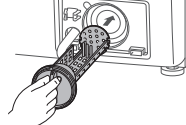
7



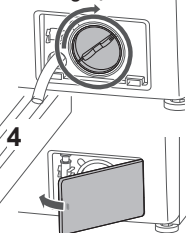
8

Thay thế

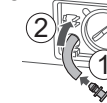
1



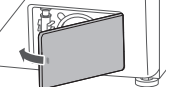
2 Cho đến khi vào
đúng vị trí



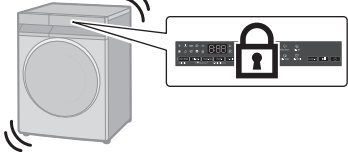
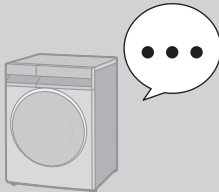
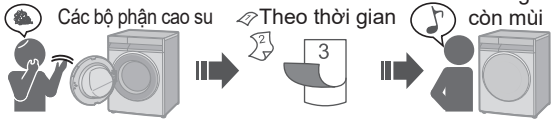
3



4

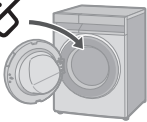
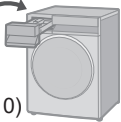
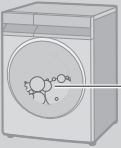
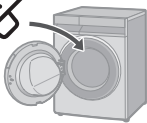
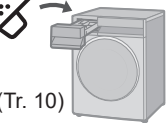
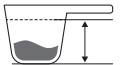
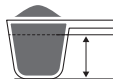
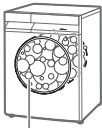
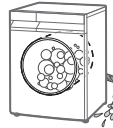


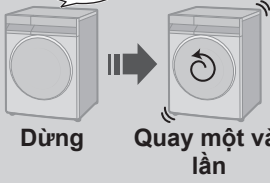
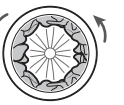
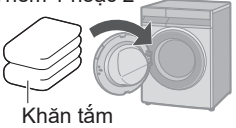
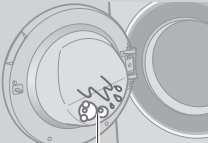
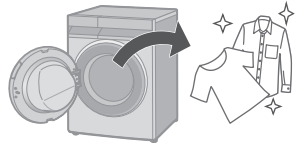
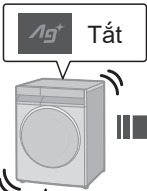
Xử lý sự cố

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Máy chính	Nhấn các nút  Không có phản ứng	☐ Nguyên nhân có thể - Trong một hoạt động  ☐ Thử - Khóa An Toàn (Tr. 28)  (Tắt)
	Không vận hành 	☐ Kiểm tra - Mất điện - Hẹn giờ  ☐ Thử - Đóng cửa. - Mở nước. - Rút phích cắm và cắm lại. - Nhấn "Khởi động". - Bật cầu dao lên.  ① (30 giây) ②
	Mùi cao su 	☐ Nguyên nhân có thể - Các bộ phận cao su - Theo thời gian - Không còn mùi  3 ☐ Thử - Vệ Sinh Lồng Giặt (Tr. 32)

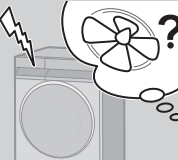
	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Máy chính Cửa không mở		☐ Nguyên nhân có thể ● Trong một hoạt động Cửa bị khóa. Để mở cửa trong khi vận hành (Tr. 14)
	☐ Kiểm tra ● Nhiệt độ ● Mức nước	
	☐ Thử ● Khóa An Toàn (Tr. 28) ● Trong một hoạt động	
	LƯU Ý	Mất điện Có điện lại Cửa bị khóa Cửa bị khóa

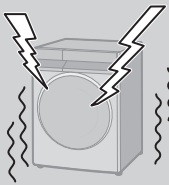
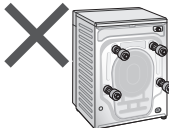
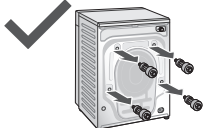
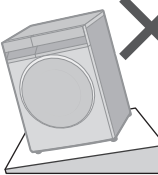
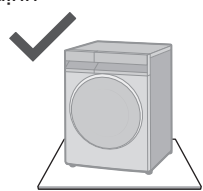
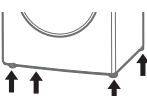
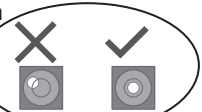
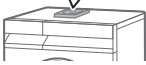
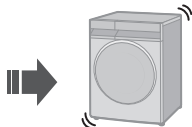
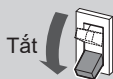
Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Chất giặt tẩy và bột	Sau khi giặt 	☐ Kiểm tra    (Tr. 10) 
	 Bột	☐ Nguyên nhân có thể ● Lượng bột sẽ khác nhau. ● Nhiệt độ  ● Mức nước  ● Độ mềm của nước 
	Không đủ 	☐ Kiểm tra ● Bột giặt    (Tr. 10)  ● Quá ít chất giặt tẩy hoặc cài đặt lượng nước giặt quá ít trong tính năng "Auto Dose"  ● Chất giặt tẩy ít bột  ● Bẩn nhiều  ● Tải quá lớn 
	Quá nhiều 	☐ Kiểm tra ● Quá nhiều chất giặt tẩy hoặc cài đặt lượng nước giặt quá lớn trong tính năng "Auto Dose" 
Giặt	Trong khi giặt  Xả nước	☐ Nguyên nhân có thể Bột quá nhiều  Bột Chức năng phát hiện bột  Tự động xả nước 

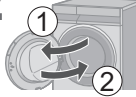
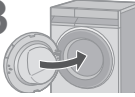
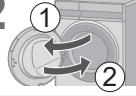
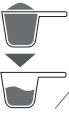
	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Xả/Vắt	Trong quá trình vắt  Dừng Quay một vài lần	☐ Nguyên nhân có thể Không đồng đều  Tự động chỉnh  Dừng Tự động chỉnh  Đồng đều ☐ Thử Quá nhẹ  Thêm 1 hoặc 2  Khăn tắm
	Sau khi giặt  Bột hoặc nước	☐ Thử Lau  
	Vắt thay đổi sang xả  Vắt Xả	☐ Nguyên nhân có thể Nếu quần áo không đồng đều, máy sẽ tự động lấy lại trạng thái cân bằng/đồng đều bằng cách quay về quy trình xả.  
Đồ giặt	Nếu đồ giặt màu vàng  Vàng	☐ Thử Tắt  Trắng  Nhiệt Độ 60 °C  

Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Thời gian	Trong khi giặt Thời gian hiển thị 0:57 ...> 0:59 Thay đổi	☐ Nguyên nhân có thể Thời gian còn lại được điều chỉnh trong quá trình hoạt động. Xấp xỉ Đã điều chỉnh 0:57 0:59 Nếu cài đặt thay đổi Nếu quần áo không đồng đều Thời gian còn lại có thể tăng lên.
	Thời gian còn lại Không giảm 0:57 ...> 0:57 hoặc Giảm đột ngột 0:57 ...> 0:40	☐ Nguyên nhân có thể Thời gian hiển thị là một hướng dẫn.
Tiếng ồn	Trong khi xả nước 	☐ Nguyên nhân có thể - Điều này là bình thường. - Bơm thoát nước đang hoạt động.
	Tiếng quạt quay 	☐ Nguyên nhân có thể - Điều này là bình thường. - Quạt này sẽ làm mát các bộ phận điện.
	Động cơ phát ra tiếng ồn 	☐ Nguyên nhân có thể - Điều này là bình thường. - Động cơ có thể phát ra tiếng ồn khi hoạt động.

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Tiếng ồn	Tiếng ồn (hoặc rung) bất thường 	☐ Kiểm tra ● Các vật kim loại  ● Bulông giữ lồng giặt (Tr. 43)   ● Độ dốc hoặc bề mặt không ổn định    ● Điều chỉnh 4 chân     (Tr. 43)
		☐ Kiểm tra ● Khi có điện trở lại, máy sẽ tiếp tục vận hành từ nơi đã dừng lại.   
Khác	Mất điện  Cầu dao 	

U13 và các cảnh báo khác

Cảnh báo	Điểm cần kiểm tra		
U 11 Không thể xả nước	1 Kiểm tra 	2 	3  Khởi động
	 (Tr. 33)		
U 12 Cửa đang mở	1 	2  Khởi động	
U 13 Không thể vắt / sấy	1 	2 Kiểm tra	3   Khởi động
	Không đồng đều  Đồng đều  Không ổn định hoặc nghiêng  Ổn định  Quá nhiều  Giảm  Quá ít  Thêm 		
U 14 Không thể cấp nước	1 Kiểm tra	2 	3  Khởi động
	Mất nước  Đã tắt  Tắm lọc ống cấp nước (Tr. 29) 		
U 17 Không thể vắt	1 Khởi động lại  Tắt  Bật	2 Chạy quá trình Xả và Vắt của chương trình “Giặt 38”	• Lũn giặt sau:   Chất giặt tẩy ít bọt
H	1 	2 	3 

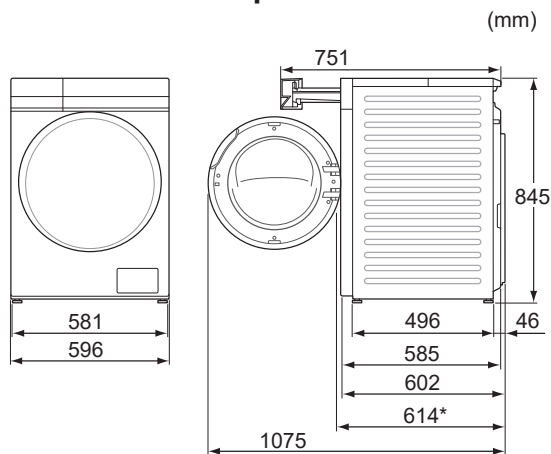
Chọn đúng chỗ



Đảm bảo yêu cầu nhân viên bảo trì cho việc lắp đặt.

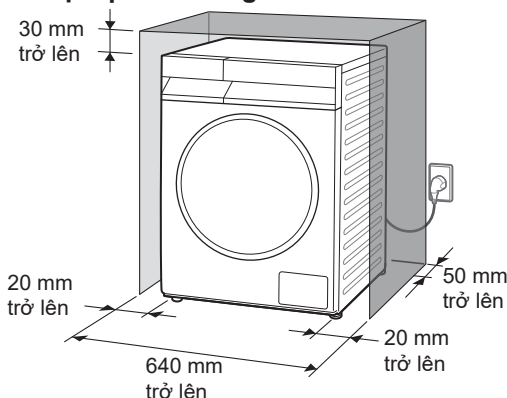
- Không tự mình lắp đặt thiết bị này.
- Làm theo phương pháp lắp đặt này. Nếu không, Panasonic sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tai nạn hoặc thiệt hại nào.

Kích thước sản phẩm



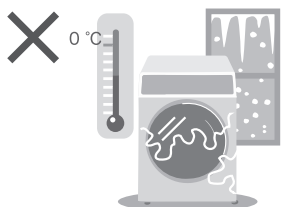
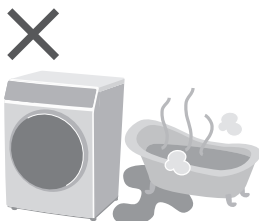
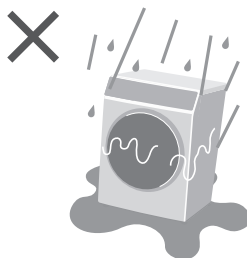
* 614 mm: Kích thước chiều sâu của sản phẩm, được đo từ mặt sau đến điểm nhô ra xa nhất của cửa khi đóng.

■ Lắp đặt vào trong



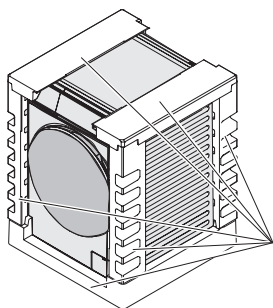
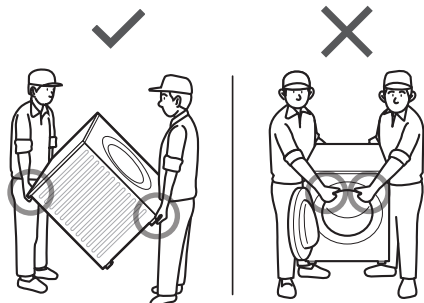
- Không để các bộ phận kim loại của thiết bị tiếp xúc với bồn kim loại hoặc các thiết bị khác.

Kiểm tra vị trí.



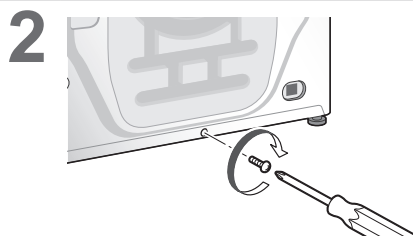
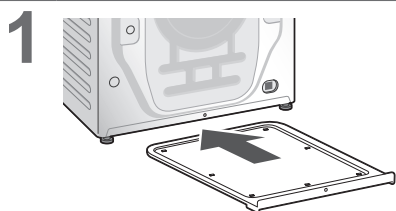
Vận chuyển thiết bị

Không thực hiện một mình.

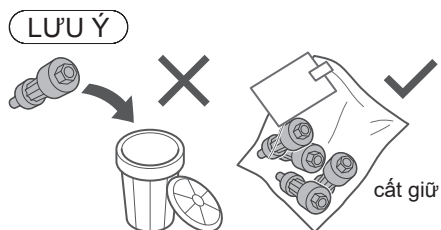
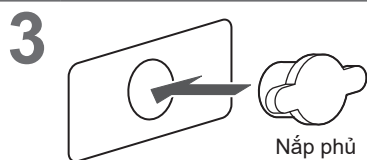
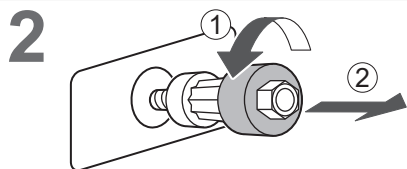
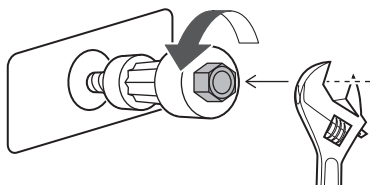
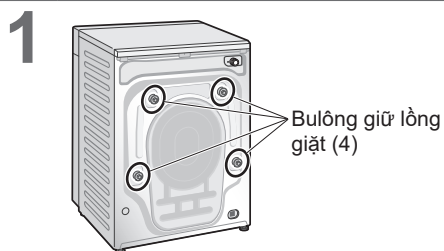


Tháo bỏ tất cả xốp đóng gói trước khi bắt đầu sử dụng thiết bị.

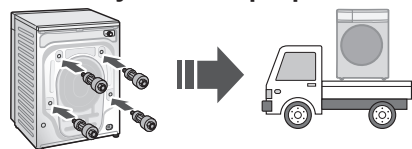
Lắp đặt tấm đáy



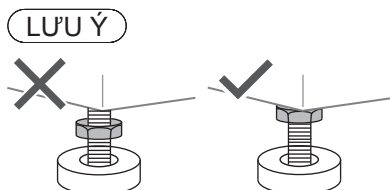
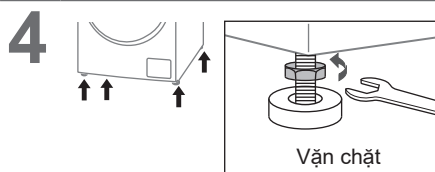
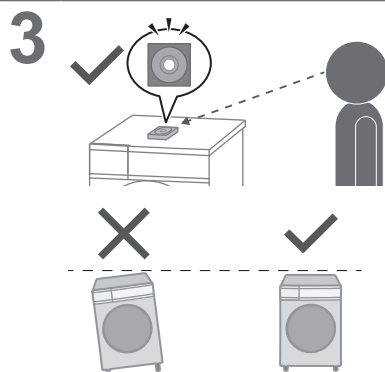
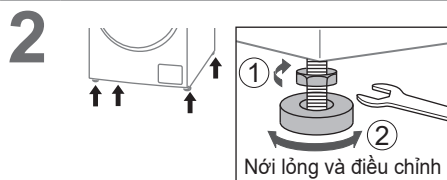
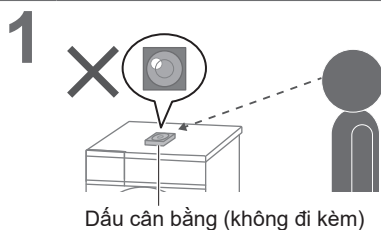
Tháo các bulông giữ lồng giặt



■ Di chuyển thiết bị một lần nữa



Cân bằng thiết bị



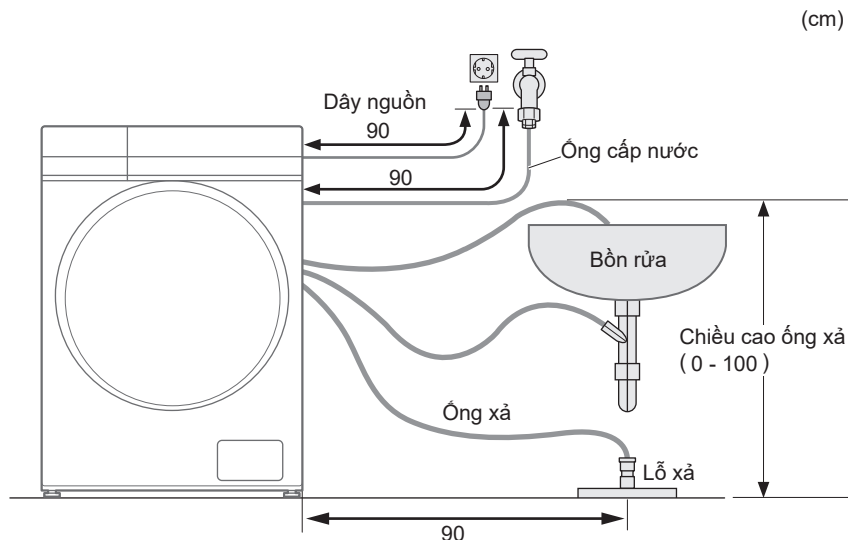
Lắp đặt

Nối đường ống

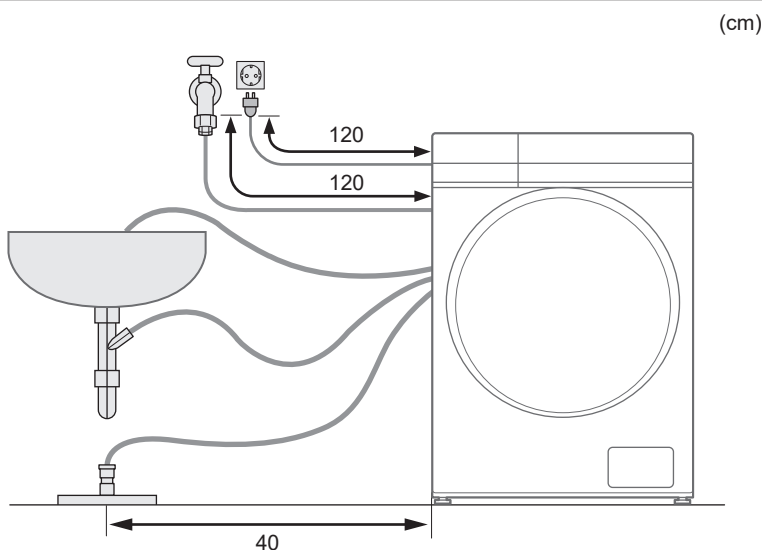
Kết nối các ống đúng cách để tránh rò rỉ nước.

Khoảng cách kết nối tối đa cho các ống và dây nguồn

Kết nối bên phải



Kết nối bên trái



Ống cấp nước

■ Nối ống cấp nước



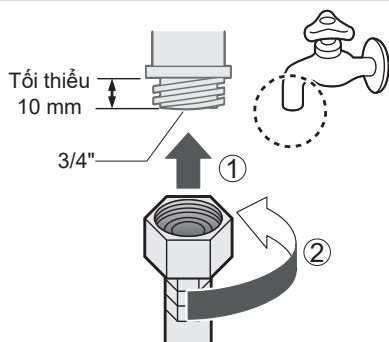
CẦN THẬN

- Vặn chặt đai ốc.
- Không được uốn cong, ép, sửa đổi hoặc cắt ống.

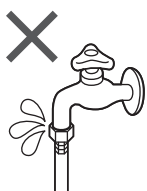
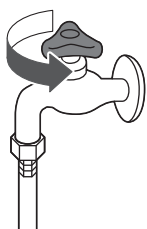
1



2

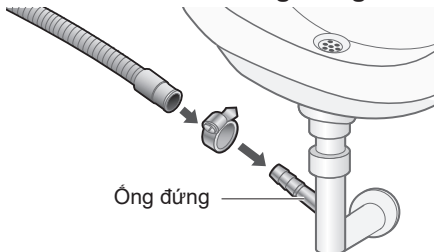


3



Ống xả

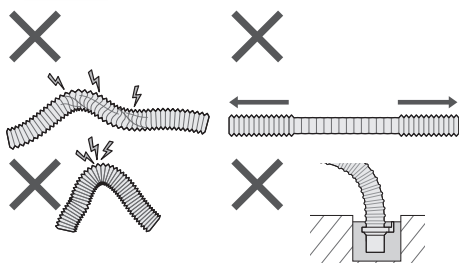
■ Thoát nước vào ống đứng



■ Thoát nước vào ống xả

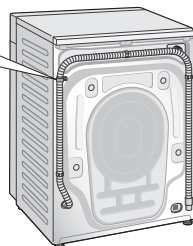


LƯU Ý



LƯU Ý

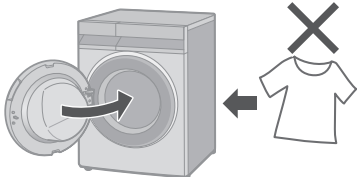
- Không cắt/tháo đai này. Nếu không máy sẽ báo lỗi U14. (Tr. 40)



1



2



3



4



38' Giặt 38'

5



Kiểm tra sau khi chạy thử

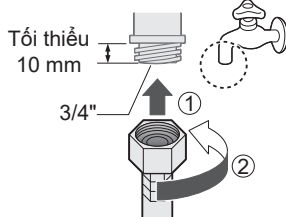
Sự cố

Rò rỉ nước



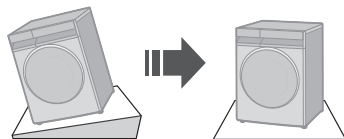
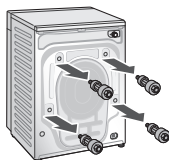
Nguyên nhân và biện pháp

Nối ống cấp nước đúng cách

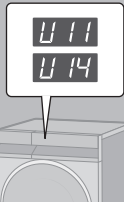


Âm thanh bất thường

- Tháo các bulông giữ lồng giặt (Tr. 43)
- Lắp đặt ổn định



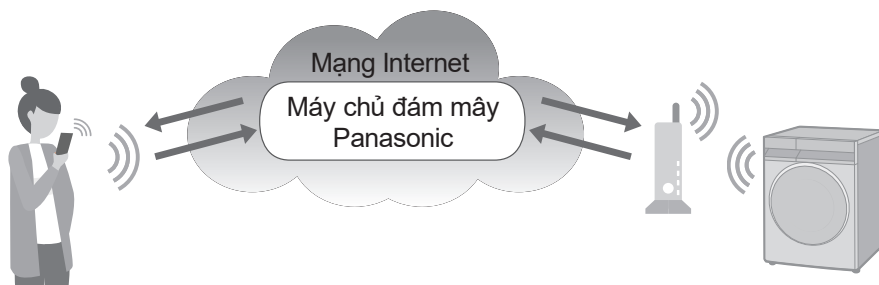
Cảnh báo



Xem Tr. 40.

MyPanasonic+

Vận hành tiện lợi hơn ngay trên điện thoại thông minh của bạn bằng ứng dụng “MyPanasonic+”.



Bạn có thể vận hành máy giặt hoặc cài đặt hẹn giờ trên ứng dụng.

Hỗ trợ lựa chọn chương trình từ lịch sử chương trình.

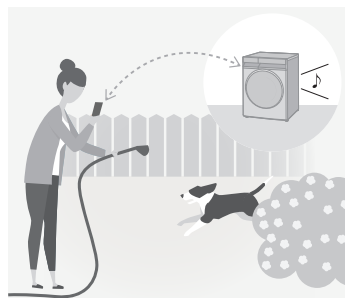
Trên ứng dụng của chúng tôi có “Mục yêu thích”. Bạn có thể tạo các chương trình gốc với các cài đặt yêu thích của mình.

- Có thể lưu tối đa 10 chương trình gốc.



Thông báo tình trạng giặt và kết thúc hoạt động.

Có thể lấy quần áo ra ngay sau khi giặt.



- Giao diện, nội dung và tính năng của dịch vụ này có thể thay đổi hoặc chấm dứt mà không cần thông báo trước.

MyPanasonic+ (tiếp)

Thiết bị và Môi trường cần thiết

Hãy kiểm tra thiết bị cần thiết để sử dụng ứng dụng.

- Điện thoại thông minh Android hoặc iOS (iPhone)
- Hệ điều hành được hỗ trợ
<https://www.panasonic.com/global/consumer/smartapp/support.html>



Trang web Panasonic



- Môi trường Internet

Hãy xác nhận rằng đó là đường truyền băng thông rộng.

Ví dụ FTTH (cáp quang), ADSL, CATV (truyền hình cáp), v.v.

Phí truy cập Internet sẽ do khách hàng chịu.



- Bộ định tuyến mạng LAN không dây
Sử dụng bộ định tuyến mạng LAN không dây để kết nối với Internet.



LƯU Ý

- Đảm bảo rằng bộ định tuyến mạng LAN không dây có tiêu chuẩn giao tiếp là băng tần 2,4 GHz. (Chuẩn giao tiếp: IEEE802.11b, IEEE802.11g, IEEE802.11n) Các chuẩn khác không thể sử dụng được.
- Không thể sử dụng các thiết bị/bộ định tuyến chỉ hỗ trợ WEP.
- Vì lý do bảo mật, hãy đảm bảo sử dụng bộ định tuyến mạng LAN không dây có thể đặt phương thức mã hóa WPA3, WPA2 hoặc WPA.
- Chúng tôi khuyến nghị sử dụng WPA3 và WPA2 (AES) làm phương pháp mã hóa.
- Chúng tôi không đảm bảo hoạt động của tất cả các bộ định tuyến mạng LAN không dây. (Bộ định tuyến di động không được đảm bảo hoạt động.)

Cài đặt ban đầu



Thực hiện theo các cài đặt trên màn hình của ứng dụng.

1 Cài đặt ứng dụng “MyPanasonic+” (miễn phí).

- Bạn có thể truy cập liên kết để tải xuống ứng dụng từ trang web Panasonic.
<https://www.panasonic.com/global/consumer/smartapp/support.html>



Trang web Panasonic

- Ngoài ra, bạn có thể tìm kiếm ứng dụng “MyPanasonic+” trên Google Play (Android) hoặc App Store (iOS) và cài đặt ứng dụng.
- Bạn cũng có thể quét liên kết để cài đặt ứng dụng từ mã QR được dán trên máy giặt.

2 Thực hiện theo các bước hướng dẫn trên ứng dụng để kết nối với máy giặt và hoàn tất cài đặt.

- Vận hành ở vị trí mà bạn có thể kiểm tra màn hình trên máy giặt.
- Ứng dụng không thể được vận hành khi máy giặt đang hoạt động.



Sử dụng ứng dụng (Tr. 50)

MyPanasonic+ (tiếp)

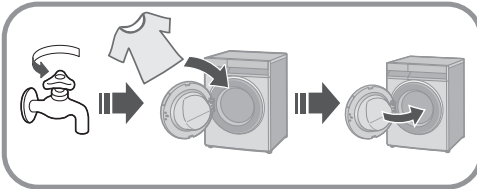
Sử dụng ứng dụng “MyPanasonic+”

Sau khi hoàn tất cài đặt ban đầu, bạn có thể sử dụng ứng dụng.

Chuẩn bị sử dụng tính năng “Điều Khiển Từ Xa”

Đảm bảo các điều kiện để vận hành bình thường, đồ giặt đã được cho vào trong lồng giặt trước khi ra ngoài.

1



LƯU Ý

- Đóng chặt cửa máy giặt

2

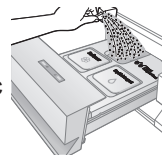


Đèn sáng
(Bật)



Kiểm tra cài đặt
“Auto Dose” để
đảm bảo vẫn còn
nước giặt / nước
xả vải (Tr. 9, 12)

hoặc



3



Xấp xỉ 2 giây

Sau 10 phút



Tất cả các đèn chỉ
báo sẽ tắt ngoại trừ:



LƯU Ý

- Để hủy trạng thái chờ của điều khiển từ xa và mở khóa cửa → Tắt nguồn.
- Khi không có điều khiển từ xa từ ứng dụng, trạng thái chờ của điều khiển từ xa tự động bị hủy bỏ sau 23 giờ. Trong thời gian đó, tất cả các nút trên thiết bị (ngoại trừ ) bị vô hiệu hóa. Bạn chỉ có thể điều khiển máy giặt từ ứng dụng. Sau 23 giờ, màn hình hiển thị bình thường và điều khiển từ xa bị tắt.

Kiểm tra trạng thái kết nối bằng đèn LED trên bảng điều khiển.

■ Vị trí đèn

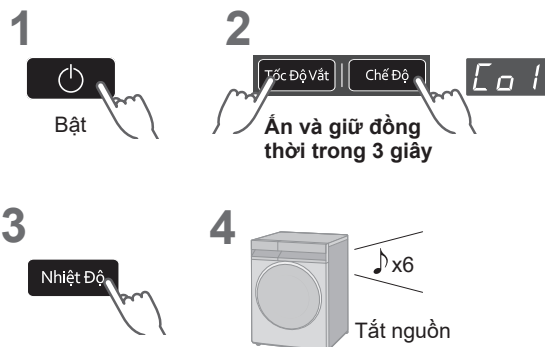
- | | | |
|---|-----------|---|
|  | Sáng | Có thể giao tiếp (Đã kết nối) |
|  | Nhấp nháy | Cố gắng giao tiếp
(Đang kết nối với máy chủ) |
|  | Tắt | Không kết nối |



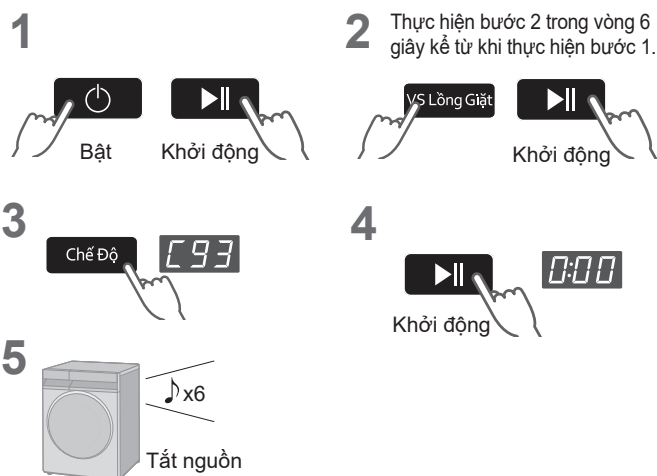
Khởi tạo

- Khi bạn ngừng sử dụng ứng dụng “MyPanasonic+”
- Sử dụng bị nghi ngờ do truy cập trái phép
- Nếu máy giặt của bạn là thiết bị đã qua sử dụng

Đặt lại cài đặt mạng LAN không dây về cài đặt mặc định.
(Thao tác trên bảng điều khiển của máy giặt)
Bạn cũng nên ngừng sử dụng ứng dụng.



Đặt lại tất cả các nội dung như cài đặt mạng LAN không dây, cài đặt máy giặt, lịch sử hoạt động, v.v. về trạng thái tại thời điểm mua. QR code phía sau cửa máy giặt không thể sử dụng được cho những lần đăng ký tiếp theo.
(Khởi tạo toàn diện)
(Thao tác trên bảng điều khiển của máy giặt)



Khi bạn vứt bỏ hoặc chuyển nhượng máy giặt

MyPanasonic+ (tiếp)

Lỗi hiển thị

Lỗi hiển thị	Nguyên nhân & Cách khắc phục
U81	- Không kết nối được máy giặt và bộ định tuyến mạng LAN không dây. Kiểm tra những điều sau: - Bộ định tuyến chưa được bật. → Bật nguồn. - Khoảng cách giữa bộ định tuyến và máy giặt quá xa. → Đưa bộ định tuyến lại gần. - Có một thiết bị sử dụng sóng vô tuyến, chẳng hạn như lò vi sóng, gần đó. →Giữ khoảng cách thích hợp. →Ngừng sử dụng thiết bị hoặc đợi một lúc và thử lại. - Nhiều thiết bị được kết nối với bộ định tuyến. →Tắt nguồn của thiết bị bạn không sử dụng.
U82	- Lỗi giao tiếp với máy chủ. - Có thể có sự cố với kết nối Internet của bạn. → Nếu bạn không biết nguyên nhân, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ mạng Internet hoặc nhà sản xuất bộ định tuyến của bạn.
U83	- Trong “Kết nối dự phòng”, SSID hoặc mật khẩu của bộ định tuyến không chính xác. → Kiểm tra mô tả của bộ định tuyến. - Không kết nối được máy giặt và bộ định tuyến. → Kiểm tra “U81” ở trên.
U84	“Quét kết nối” không thành công. Kiểm tra những điều sau: - Cài đặt Bluetooth® trên điện thoại thông minh của bạn đã bị tắt. - Mã QR không thể đọc chính xác. → Đảm bảo rằng cài đặt Bluetooth® đang bật, rồi kết nối lại. Nếu bạn vẫn không thể kết nối, hãy thử “Kết nối dự phòng”.
Ứng dụng hiển thị các câu như “Không thể kết nối với máy giặt.”	- Thực hiện kết nối lại sau một lúc hoặc kiểm tra trạng thái kết nối bằng phương pháp sau.  Tắt  Bật  Ấn và giữ đồng thời trong 3 giây  Hẹn Giờ → Nếu “U81”, “U82”, v.v. được hiển thị, đó là lỗi kết nối. Kiểm tra ở trên.

Sử dụng cho mạng LAN/Bluetooth® không dây

■ Hạn chế sử dụng

Xin lưu ý rằng có những hạn chế sử dụng sau đây. Panasonic không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại ngẫu nhiên nào do không tuân thủ các giới hạn và việc sử dụng hoặc không thể sử dụng thiết bị.

- Không kết nối với mạng không dây mà bạn không được phép sử dụng.
Mạng không dây (SSID*) mà bạn không được phép sử dụng trong quá trình tự động tìm kiếm môi trường mạng không dây có thể được hiển thị, nhưng nếu bạn kết nối, nó có thể bị coi là truy cập trái phép.

- Không sử dụng ở nơi có từ trường mạnh, tĩnh điện hoặc nhiễu sóng vô tuyến.
Nếu bạn sử dụng gần các thiết bị sau, kết nối có thể bị gián đoạn hoặc tốc độ có thể chậm lại.

- Lò vi sóng
- Các thiết bị LAN / Bluetooth® không dây khác
- Các thiết bị khác sử dụng sóng vô tuyến ở băng tần 2,4 GHz (điện thoại không dây kỹ thuật số, thiết bị âm thanh không dây, bảng điều khiển trò chơi, thiết bị ngoại vi PC, v.v.)
- Các vật bằng kim loại dễ phản xạ sóng vô tuyến

* Tên được sử dụng để xác định một mạng cụ thể trên mạng LAN không dây. Nếu SSID này khớp trên cả hai thiết bị, thì có thể giao tiếp.

■ Các biện pháp an ninh

- Vì mạng LAN không dây sử dụng sóng vô tuyến để gửi và nhận dữ liệu, nên có nguy cơ bị truy cập trái phép. Thực hiện các biện pháp bảo mật để đảm bảo an toàn cho dữ liệu của bạn. (Tr. 48) Xin lưu ý rằng chúng tôi không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sự cố nào xảy ra mà không áp dụng các biện pháp bảo mật.
- Để biết mật khẩu (khóa mã hóa) của bộ định tuyến mạng LAN không dây, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng của bộ định tuyến mạng LAN không dây và thiết lập bảo mật.

■ Cập nhật phần mềm

- Thiết bị này có chức năng kết nối với máy chủ cập nhật phần mềm qua Internet và tự động cập nhật phần mềm của chính nó lên phiên bản mới nhất. Trong quá trình cập nhật phần mềm, kết nối không dây có thể bị gián đoạn tạm thời hoặc tốc độ có thể bị chậm lại.
- Không sửa đổi, can thiệp trái phép vào phần mềm điều khiển.

MyPanasonic+ (tiếp)

Bản quyền, v.v.

- Android and Google Play are trademarks or registered trademarks of Google LLC.
- iPhone is a trademark of Apple Inc., registered in the U.S. and other countries.
- IOS is a trademark or registered trademark of Cisco in the U.S. and other countries and is used under license.
- The App Store is a service mark of Apple Inc.
- QR Code is registered trademark of DENSO WAVE INCORPORATED.
- Bluetooth® word mark and logo are registered trademarks owned by Bluetooth SIG, Inc.
- Panasonic Corporation uses these marks under license. Other trademarks and trade names are property of their respective owners.
- Other names, company names, product names, etc. described in this manual are trademarks or registered trademarks of their respective companies. Some ™ and ® marks are not included in the text.

■ About software

This product consists of the following types of software.

- (1) Software developed by or for Panasonic Corporation (Panasonic)
- (2) Software owned by a third party and licensed to Panasonic
- (3) Conditionally licensed open source software

The software classified in (3) above is distributed with the expectation that it will be useful on its own, but we do not warrant any implied guarantee of “commerciality” or “fitness for a specific purpose”. No warranty is given, including.

You can find the most up-to-date information below.

<https://www.panasonic.com/content/dam/Panasonic/vn/vi/PDF/2026/Operating-Instructions-washer-DW1Series.pdf>



Thông số kỹ thuật

	NA-24VDW1	NA-22VDW1	NA-20VDW1
Điện áp định mức (V)	220 - 240		
Tần số định mức (Hz)	50		
Công suất điện năng tối đa (W)	1600 - 1900		
Công suất điện năng gia nhiệt (W)	1445 - 1710		
Tốc độ vắt tối đa (r/min)	1400		
Kích thước sản phẩm (Rộng x Dài x Cao) (mm)	596 × 585 × 845		
Trọng lượng sản phẩm (kg)	69		
Khối lượng giặt tối đa (Vải khô) (kg)	12,0	11,0	10,0
Áp suất nước máy (MPa)	0,012 - 1		

* Khi áp suất nước máy nhỏ hơn 0,03 MPa có khả năng tổn động chất giặt tẩy trong khay đựng chất giặt.



